

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2017
V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Anh.

Ông Phan Văn Truệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bảo Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị D**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh H1**, sinh năm: 1983.

Nơi ĐKKH: ấp 1, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

(*Bà D có mặt, ông H1 vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2017 của bà Phạm Thị D và những lời trình bày tại phiên tòa như sau:

Bà và ông Nguyễn Thanh H1 được hai bên gia đình tổ chức cưới vào năm 2004 và từ đó sống chung với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An (nay là thị xã K, tỉnh Long An). Cuộc sống chung hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Đến ngày 5/6/2015 thì hai bên quyết định sống ly thân. Đến nay đã gần 02 năm nhưng hai bên không có thiện chí để hàn

gắn lại. Bà D xác định không còn tình cảm với ông H1. Vì vậy, bà yêu cầu ly hôn với ông H1.

Trong quá trình sống chung, bà và ông H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Mỹ U, sinh ngày 19/02/2013 và cháu Nguyễn Phạm Thanh H2, sinh ngày 23/9/2005. Bà yêu cầu được nuôi con chung là cháu U, đồng ý giao cháu H2 cho ông H1 nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Do ông H1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không biết ý kiến của ông H1 về việc giao cháu H2 cho ông H1 nuôi dưỡng có đồng ý hay không. Nên tại phiên tòa bà xin được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu U và cháu H2, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Cam kết không có nợ chung.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Từ giai đoạn thụ lý đến xét xử, Tòa án chấp hành đúng quy định tại Điều 26, 35, 48, 68, 191, 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập đầy đủ chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 97, 98, 100, 102, 171, 173 Bộ luật tố tụng dân sự và tiến hành kiểm tra giao nộp chứng cứ, công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 203, 205, 208, 209, 210, 230 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định tại các Điều 248, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà D và ông H1 đã ly thân hơn 02 năm, hai bên không có thiện chí để đoàn tụ. Tại phiên tòa, bà D xác định không còn tình cảm với ông H1, cuộc sống chung không xây dựng được gia đình hạnh phúc. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, bà D có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Mỹ U, sinh ngày 19/02/2013 và cháu Nguyễn Phạm Thanh H2, sinh ngày 23/9/2005, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù, cháu H2 có nguyện vọng sống cùng cha sau khi ly hôn, nhưng ông H1 vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến về việc nuôi con chung. Vì vậy, yêu cầu nuôi 02 con chung của bà D cần chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Thanh H1 tự nguyện tìm hiểu tình cảm, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, từ đó hai người chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An (nay là thị xã K, tỉnh Long An) theo giấy chứng nhận kết hôn số 129, quyển số 01, ngày

30/12/2005. Nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông H1 là hôn nhân hợp pháp. Nay bà D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông H1 là bị đơn cư trú tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207, 209 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng ông Hùng vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông H1 vắng mặt. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt ông H1 là đúng theo quy định khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa, bà D yêu cầu được ly hôn với ông H1. Vì cho rằng không còn tình cảm với ông H1, không xây dựng được gia đình hạnh phúc. Bà D cương quyết yêu cầu ly hôn. Trong thời gian ly thân ông H1 cũng không có thiện chí để đoàn tụ. Tòa án đã tổng đạt thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng ông Hùng vẫn vắng mặt, điều đó thể hiện ông H1 không quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa hai người, không mong muốn đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, xét thấy cuộc sống chung giữa bà D và ông H1 mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Mỹ U, sinh ngày 19/02/2013, giới tính nữ và cháu Nguyễn Phạm Thanh H2, sinh ngày 23/9/2005, giới tính nam. Bà D yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung. Vì vậy, cần giao 02 con chung cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Mặc dù cháu H2 có nguyện vọng sống với cha sau khi ly hôn nhưng ông H1 vắng mặt tại phiên tòa, không có lời trình bày trong hồ sơ. Nên không thể giao cháu H2 cho ông H1 chăm sóc, nuôi dưỡng; Ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà D không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết tài sản chung và cam kết không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H1.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Mỹ U, sinh ngày 19/02/2013, giới tính nữ và cháu Nguyễn Phạm Thanh H2, sinh ngày 23/9/2005, giới tính nam cho bà Phạm Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng; Ông Nguyễn Thanh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình: Buộc bà Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006447 ngày 27/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An. (Bà D đã nộp đủ tiền án phí).

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông H1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt hay niêm yết bản án đúng theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND xã B, thị xã K
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Bích Tuyền